

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 14/2024/HSST

Ngày: 21-02-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Văn Khoản

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bồ Đức Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2024/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/HSST-QĐ ngày 05/02/2024 đối với bị cáo:

- Họ tên: **Phùng Văn M**, Tên gọi khác: không;
- Sinh năm: 1979, tại Thanh Hóa;
- Nơi thường trú: ấp Long B, xã TQ, huyện Q, tỉnh P;
- Nơi cư trú: ấp Long B, xã TQ, huyện Q, tỉnh P;
- Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: không;
- Nghề nghiệp: Giáo viên Chức vụ: Không, Văn hóa: 12/12;
- Cha: Phùng Văn O, sinh năm 1940 (đã chết);
- Mẹ: Lê Thị Ch, sinh năm 1938;
- Vợ: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978;
- Con: 02 người, cùng sinh năm 2004;
- Tiền án, tiền sự: không;
- Tạm giam. Ngày 25/9/2023, Cơ quan điều tra bắt được bị can và tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Tổng Văn X, sinh năm: 1997, địa chỉ cư trú: khu phố 1, phường M Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn T, sinh năm: 1994, địa chỉ cư trú: ấp Suối Ngang, xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

Người làm chứng: Nguyễn thị Thanh T, sinh năm: 1978, địa chỉ cư trú: ấp Long B, xã TQ, huyện Q, tỉnh P. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/05/2022, Phùng Văn M đến Cơ sở cầm đồ HQ, có địa chỉ tại: khu phố 1, phường Hưng L, thị xã C, tỉnh P do anh Tống Văn X, làm chủ để thế chấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET CAPTIVA, màu đỏ, biển số 93A – 192.89 nhưng anh Xuân không cầm cố Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Anh Xuân và M trao đổi số điện thoại cho nhau rồi M ra về. Đến ngày 11/5/2022, M gọi điện thoại cho anh Xuân thoả thuận mua, bán xe ô tô này với giá là 150.000.000 đồng và hẹn ngày 13/5/2022 đến Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Quỳnh, tại địa chỉ: khu phố Hiếu Cẩm, phường Hưng L, thị xã C, tỉnh P để lập Hợp đồng mua bán xe.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút ngày 13/5/2022, anh Xuân, M và vợ của M là chị Nguyễn thị Thanh T, đến Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Quỳnh để lập và công chứng “hợp đồng mua bán” xe ô tô biển số 93A – 192.89. Sau khi công chứng Hợp đồng mua bán xe và nhận tiền bán xe. M có nhu cầu thuê xe để làm phương tiện đi lại nên đã thoả thuận với anh Xuân thuê lại xe với tiền thuê là 9.000.000 đồng/tháng. Anh Xuân gắn thiết bị định vị trên xe, rồi giao xe ô tô biển số 93A-192.89 và các giấy tờ kèm theo cho M quản lý và sử dụng. Từ tháng 6/2022 đến tháng 10/2022, M trả tiền thuê xe hàng tháng như thoả thuận.

Ngày 27/10/2022, do không có tiền trả nợ nên M đến gặp anh Lê Văn T để thế chấp xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET CAPTIVA, màu đỏ, biển số 93A – 192.89 cho anh Tấn để vay số tiền 120.000.000 đồng. Do trước đó M còn nợ anh Tấn số tiền 80.000.000 đồng nên anh Tấn yêu cầu M viết Giấy vay tiền với nội dung M thế chấp xe ô tô để vay anh Tấn số tiền 200.000.000 đồng thì M đồng ý. Sau đó, Tấn giao số tiền 120.000.000đ cho M và M giao xe ô tô 93A – 192.89; 01 Hợp đồng mua bán xe số 00002809 đối với xe ô tô biển số 93A – 192.89 giữa M và anh Vũ Khắc T, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước là chủ sở hữu xe ô tô biển số 93A – 192.89 trước đó để chứng minh M là chủ sở hữu xe, Giấy chứng nhận kiểm định xe và Giấy bảo hiểm của xe ô tô biển số 93A-192.89 cho anh Tấn quản lý, sử dụng. M không giao Hợp đồng mua bán xe với anh Xuân.

Đến tháng 11/2022, không thấy M trả tiền thuê xe, anh Xuân liên lạc với M nhưng không được. Ngày 10/02/2023, anh Xuân biết M đã mang xe ô tô của anh đi cầm cố nên anh Xuân đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Chơn Thành trình báo. (Bút lục 36-39; 61-62; 71-72)

Kết luận định giá tài sản số 25/KLĐG-HĐĐGTS ngày 24/3/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Chơn Thành kết luận: Xe ô tô con, loại 07 chỗ, nhãn hiệu CHEVROLET CAPTIVA, màu đỏ, biển số 93A-192.89, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 130.000.000đ. (Bút lục 33)

Quá trình thu giữ và xử lý vật chứng: xe ô tô con, loại 07 chỗ, nhãn hiệu CHEVROLET CAPTIVA, màu đỏ, biển số 93A-192.89 thu giữ của anh Lê Văn T. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Tống Văn X. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Tống Văn X.

Về trách nhiệm dân sự: anh Tống Văn X đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Anh Lê Văn T yêu cầu M trả lại cho anh Tấn số tiền 120.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKS, ngày 16/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố Phùng Văn M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2

Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50, 38; Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phùng Văn M với mức hình phạt từ tù 03 đến 04 năm tù.

Tại phiên tòa: bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố và không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại Tống Văn Xuân vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại theo quy định tại điều 292 Bộ Luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 13/5/2022, Phùng Văn M thuê xe ô tô con, loại 07 chỗ, nhãn hiệu CHEVROLET CAPTIVA, màu đỏ, biển số 93A-192.89 của anh Tống Văn X bằng hình thức hợp đồng. Đến ngày 27/10/2022, M đã đưa chiếc xe ô tô này cầm cố cho anh Lê Văn T, để lấy số tiền 120.000.000đ chiếm đoạt xe ô tô trên, Giá trị xe ô tô tại thời điểm bị chiếm đoạt là 130.000.000đ. Vì vậy, hành vi của Phùng Văn M thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng an ninh trật tự địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên được hưởng tình

tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ phân tích trên, cần xử phạt bị cáo với mức án đủ nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại xe và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra để HĐXX xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tấn yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 120.000.000 đồng, bị cáo đồng ý nên cần ghi nhận.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo mức án phí có giá ngạch trên số tiền phải bồi thường là: 6.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các điều 50, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phùng Văn M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn M 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/9/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584, 585; 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Phùng Văn M có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Văn T số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu: 6.000.000đồng án phí dân sự có giá ngạch.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- CA thị xã Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan